

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2023
“Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Thành và bà Mai Thanh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Diện- Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thái Thị T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Đội 1, thôn M, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Đình P, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn G, xã Tr, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Thái Thị T trong đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2023, bản tự khai ngày 16/02/2023, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 10/02/2023 trình bày:*

Chị Thái Thị T và anh Trần Đình P yêu nhau, đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 01/7/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà dì của chị T ở thôn M, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chênh lệch về tuổi tác nên không có tiếng nói chung, bất đồng trong quan điểm sống và cách ứng xử hàng ngày, anh P không chung thủy với chị T mặc dù chị T đã khuyên can anh nhiều lần. Vợ chồng đã ly thân nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục

đích hôn nhân không đạt được, chị T xác định hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh P.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Trần Đình P mặc dù đã Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Trần Đình P vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ việc chị T xin ly hôn, mặc dù theo xác minh của Tòa án thì anh P đang cư trú, làm ăn, sinh sống tại thôn G, xã Tr, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án được đảm bảo đúng thủ tục quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thái Thị T ly hôn anh Trần Đình P. Về con chung và tài sản chung: Không có, nên không đề nghị xem xét. Buộc đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị T xin ly hôn anh Trần Đình P là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn chị Thái Thị T vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Đình P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Việc vắng mặt của bị đơn anh Trần Đình P tại phiên tòa lần thứ hai không phải vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thì chị Thái Thị T và anh Trần Đình P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 01/7/2020, nên hôn nhân của Thái Thị T và anh Trần Đình P là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn: Theo trình bày của chị T trong quá trình giải quyết vụ án thì cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một năm đầu sau đó cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo trình bày của chị T thì do vợ chồng chênh lệch về tuổi tác nên không có tiếng nói chung trong cuộc sống, bất đồng trong quan điểm sống và cách ứng xử trong cuộc sống, anh P không chung thủy với chị T mặc dù chị T đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh P vẫn không thay đổi, vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay. Nguyên vọng của chị Thái Thị T được ly hôn anh Trần Đình P.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh P là đúng thực tế như chị T trình bày, mâu thuẫn xảy ra thời gian dài không thể hàn gắn được, vợ chồng không quan T đến nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không quan T đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Anh P mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh P vẫn không đến Tòa án để Tòa án tiến hành hòa giải động viên vợ chồng đoàn tụ. Việc anh P không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị T, điều đó thể hiện thái độ bỏ mặc, không thiết tha gì đến việc xây dựng hạnh phúc gia đình với chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho chị Thái Thị T được ly hôn anh Trần Đình P theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình,

[5] Về con chung: Chị Thái Thị T trình bày vợ chồng không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Thái Thị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Thái Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Thái Thị T yêu cầu ly hôn anh Trần Đình P.

1. Xử cho chị Thái Thị T được ly hôn anh Trần Đình P.
2. Về con chung: Vợ, chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ, chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Án phí: Nguyên đơn chị Thái Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai số 0004566 ngày 31/01/2023 (chị Thái Thị T đã nộp đủ án phí).

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- UBND xã M (Nơi ĐKKH để ghi chú vào sổ Hộ tịch; ĐKKH ngày 01/7/2020);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hải